

**SO SÁNH SỐ LIỆU BAN ĐẦU TỈ LỆ CHỌI NGUYỄN VỌNG 1 THƯỜNG
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM 2018 và NĂM 2017**

STT	Trường	Quận Huyện	Năm học 2017-2018			Năm học 2018-2019			Tăng/ Giảm
			Chỉ tiêu	NV1	Tỉ lệ Chọi	Chỉ tiêu	NV1	Tỉ lệ Chọi	
1	THPT Trưng Vương	1	655	1.187	1,81	630	1.782	2,83	1,02
2	THPT Bùi Thị Xuân	1	675	1.372	2,03	675	1.316	1,95	-0,08
3	THPT Ten Lơ Man	1	585	867	1,48	630	1.059	1,68	0,20
4	THPT Năng khiếu TDTT	1	270	85	0,31	270	73	0,27	-0,04
5	THPT Lương Thế Vinh	1	360	510	1,42	360	670	1,86	0,44
6	THPT Giồng Ông Tố	2	450	723	1,61	585	777	1,33	-0,28
7	THPT Thủ Thiêm	2	540	235	0,44	630	324	0,51	0,08
8	THPT Lê Quý Đôn	3	450	924	2,05	480	964	2,01	-0,04
9	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	3	585	1.112	1,90	645	1.630	2,53	0,63
10	THPT Lê Thị Hồng Gấm	3	360	324	0,90	405	240	0,59	-0,31
11	THPT Marie Curie	3	910	1.134	1,25	1.035	1.350	1,30	0,06
12	THPT Nguyễn Thị Diệu	3	630	562	0,89	675	583	0,86	-0,03
13	THPT Nguyễn Trãi	4	675	355	0,53	720	399	0,55	0,03
14	THPT Nguyễn Hữu Thọ	4	585	779	1,33	675	762	1,13	-0,20
15	Trung học thực hành Sài Gòn	5	180	110	0,61	120	246	2,05	1,44
16	THPT Hùng Vương	5	1.125	1.656	1,47	1.125	1.922	1,71	0,24
17	Trung học thực hành ĐHSP	5	190	534	2,81	190	536	2,82	0,01
18	THPT Trần Khai Nguyên	5	675	1.246	1,85	900	1.405	1,56	-0,28
19	THPT Trần Hữu Trang	5	360	219	0,61	315	209	0,66	0,06
20	THPT Mạc Đĩnh Chi	6	810	1.656	2,04	720	2.089	2,90	0,86
21	THPT Bình Phú	6	675	1.011	1,50	630	1.293	2,05	0,55
22	THPT Nguyễn Tất Thành	6	810	989	1,22	810	1.128	1,39	0,17
23	THPT Phạm Phú Thứ	6	675	310	0,46	675	640	0,95	0,49
24	THPT Lê Thánh Tôn	7	540	705	1,31	630	946	1,50	0,20
25	THPT Tân Phong	7	630	189	0,30	630	199	0,32	0,02
26	THPT Ngô Quyền	7	675	1.164	1,72	675	1.483	2,20	0,47
27	THPT Nam Sài Gòn	7	70	108	1,54	90	169	1,88	0,33
28	THPT Lương Văn Can	8	675	674	1,00	675	744	1,10	0,10
29	THPT Ngô Gia Tự	8	585	245	0,42	675	324	0,48	0,06
30	THPT Tạ Quang Bửu	8	585	578	0,99	675	836	1,24	0,25
31	THPT Nguyễn Văn Linh	8	495	128	0,26	720	230	0,32	0,06
32	THPT Võ Văn Kiệt	8	540	813	1,51	540	806	1,49	-0,01
33	THPT NK-TDTT Nguyễn Thị Định	8	405	211	0,52	450	229	0,51	-0,01
34	THPT Nguyễn Huệ	9	675	902	1,34	720	1.089	1,51	0,18
35	THPT Phước Long	9	450	656	1,46	585	729	1,25	-0,21
36	THPT Long Trường	9	450	337	0,75	540	394	0,73	-0,02
37	THPT Nguyễn Văn Tăng	9	675	296	0,44	675	252	0,37	-0,07
38	THPT Nguyễn Khuyến	10	810	963	1,19	810	1.000	1,23	0,05
39	THPT Nguyễn Du	10	510	555	1,09	570	751	1,32	0,23
40	THPT Nguyễn An Ninh	10	675	545	0,81	765	612	0,80	-0,01
41	THPT Diên Hồng	10	360	297	0,83	360	224	0,62	-0,20

STT	Trường	Quận Huyện	Năm học 2017-2018			Năm học 2018-2019			Tăng/ Giảm
			Chỉ tiêu	NV1	Tỉ lệ Chọi	Chỉ tiêu	NV1	Tỉ lệ Chọi	
42	THPT Sương Nguyệt Anh	10	225	251	1,12	225	177	0,79	-0,33
43	THPT Nguyễn Hiền	11	420	408	0,97	420	523	1,25	0,27
44	THPT Trần Quang Khải	11	855	942	1,10	900	712	0,79	-0,31
45	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11	765	852	1,11	855	918	1,07	-0,04
46	THPT Võ Trường Toản	12	630	1.098	1,74	675	1.279	1,89	0,15
47	THPT Trường Chinh	12	810	1.176	1,45	855	1.525	1,78	0,33
48	THPT Thạnh Lộc	12	630	490	0,78	675	677	1,00	0,23
49	THPT Thanh Đa	B.Thạnh	540	400	0,74	630	558	0,89	0,14
50	THPT Võ Thị Sáu	B.Thạnh	855	1.157	1,35	855	1.168	1,37	0,01
51	THPT Gia Định	B.Thạnh	790	1.740	2,20	630	2.084	3,31	1,11
52	THPT Phan Đăng Lưu	B.Thạnh	675	622	0,92	675	773	1,15	0,22
53	THPT Trần Văn Giàu	B.Thạnh	720	668	0,93	810	719	0,89	-0,04
54	THPT Hoàng Hoa Thám	B.Thạnh	855	1.010	1,18	855	1.526	1,78	0,60
55	THPT Gò Vấp	GV	585	700	1,20	630	805	1,28	0,08
56	THPT Nguyễn Công Trứ	GV	810	1.261	1,56	765	1.612	2,11	0,55
57	THPT Trần Hưng Đạo	GV	855	1.568	1,83	855	1.928	2,25	0,42
58	THPT Nguyễn Trung Trực	GV	945	915	0,97	1.035	1.230	1,19	0,22
59	THPT Phú Nhuận	PN	810	1.454	1,80	810	1.782	2,20	0,40
60	THPT Hàn Thuyên	PN	675	409	0,61	720	421	0,58	-0,02
61	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TB	495	1.480	2,99	450	1.780	3,96	0,97
62	THPT Nguyễn Chí Thanh	TB	675	1.032	1,53	720	1.175	1,63	0,10
63	THPT Nguyễn Thái Bình	TB	675	880	1,30	765	1.080	1,41	0,11
64	THPT Trần Phú	TP	900	1.715	1,91	810	1.986	2,45	0,55
65	THPT Tân Bình	TP	630	993	1,58	765	1.259	1,65	0,07
66	THPT Nguyễn Hữu Huân	TĐ	720	1.322	1,84	450	1.326	2,95	1,11
67	THPT Thủ Đức	TĐ	495	909	1,84	765	1.719	2,25	0,41
68	THPT Tam Phú	TĐ	630	647	1,03	585	1.111	1,90	0,87
69	THPT Hiệp Bình	TĐ	720	658	0,91	765	702	0,92	0,00
70	THPT Đào Sơn Tây	TĐ	630	579	0,92	720	584	0,81	-0,11
71	THPT Linh Trung					675	358	0,53	0,53
72	THPT Bình Chánh	BC	630	519	0,82	720	714	0,99	0,17
73	THPT Tân Túc	BC	675	229	0,34	675	666	0,99	0,65
74	THPT Vĩnh Lộc B	BC	450	42	0,09	675	231	0,34	0,25
75	THPT Năng khiếu TDTT Bình Chánh					450	95	0,21	0,21
76	THPT Lê Minh Xuân	BC	720	802	1,11	765	872	1,14	0,03
77	THPT Đa Phước	BC	495	412	0,83	675	473	0,70	-0,13
78	THPT Bình Khánh	CG	270	254	0,94	360	350	0,97	0,03
79	THPT Cần Thạnh	CG	270	347	1,29	315	422	1,34	0,05
80	THPT An Nghĩa	CG	315	425	1,35	405	466	1,15	-0,20
81	THPT Củ Chi	CC	630	832	1,32	765	1.152	1,51	0,19
82	THPT Quang Trung	CC	405	434	1,07	450	545	1,21	0,14
83	THPT An Nhơn Tây	CC	405	373	0,92	540	512	0,95	0,03
84	THPT Trung Phú	CC	540	991	1,84	675	1.142	1,69	-0,14
85	THPT Trung Lập	CC	405	169	0,42	495	278	0,56	0,14

STT	Trường	Quận Huyện	Năm học 2017-2018			Năm học 2018-2019			Tăng/ Giảm
			Chỉ tiêu	NV1	Tỉ lệ Chọi	Chỉ tiêu	NV1	Tỉ lệ Chọi	
86	THPT Phú Hòa	CC	495	399	0,81	540	558	1,03	0,23
87	THPT Tân Thông Hội	CC	495	719	1,45	630	716	1,14	-0,32
88	THPT Nguyễn Hữu Cầu	HM	450	735	1,63	675	964	1,43	-0,21
89	THPT Lý Thường Kiệt	HM	585	1.108	1,89	585	1.297	2,22	0,32
90	THPT Bà Điểm	HM	630	1.032	1,64	630	1.380	2,19	0,55
91	THPT Nguyễn Văn Cừ	HM	585	464	0,79	720	509	0,71	-0,09
92	THPT Nguyễn Hữu Tiến	HM	450	922	2,05	540	1.189	2,20	0,15
93	THPT Phạm Văn Sáng	HM	630	880	1,40	765	1.044	1,36	-0,03
94	THPT Long Thới	NB	360	299	0,83	405	368	0,91	0,08
95	THPT Phước Kiển	NB	495	134	0,27	450	178	0,40	0,12
96	THPT Dương Văn Dương	NB	360	146	0,41	495	258	0,52	0,12
97	THPT Vĩnh Lộc	B.Tân	450	592	1,32	495	715	1,44	0,13
98	THPT Nguyễn Hữu Cánh	B.Tân	630	751	1,19	630	1.064	1,69	0,50
99	THPT Bình Hưng Hòa	B.Tân	630	722	1,15	720	778	1,08	-0,07
100	THPT Bình Tân	B.Tân	675	584	0,87	720	625	0,87	0,00
101	THPT An Lạc	B.Tân	675	723	1,07	675	863	1,28	0,21
102	THPT Tây Thạnh	B.Tân	900	1.519	1,69	945	1.790	1,89	0,21
103	THPT Lê Trọng Tấn	B.Tân	675	570	0,84	675	1.277	1,89	1,05
TỔNG CỘNG :			59.435	72.730		65.290	89.402		